TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 22- 01 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988. ĐKHKTT: Thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Minh L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1954 và bà Đồng Thị H, sinh năm 1958; Đều trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị T có mặt; anh L, ông Đ và bà H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Minh L trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 01 năm 2011. Sau ngày cưới chị ăn ở với bố mẹ anh L, anh L là sỹ quan quân đội ở Quân khu 3, thành phố Hải Phòng. Năm 2012 anh L chuyển về công tác ở Ban chỉ huy quân sự huyện Tứ Kỳ còn chị là giáo viên tiểu học thị trấn Tứ Kỳ. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L chơi

bời cờ bạc dẫn tới nợ nần nên đã xin ra khỏi quân đội tháng 3 năm 2019, do anh L nợ dân xã hội đến đòi nợ chị cũng đã vay mượn tiền để trả cho anh L một phần nhưng vẫn không hết khoản nợ do anh L vay, chán nản chị và hai con đã về bố mẹ chị tại thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ để ở từ tháng 8/2020 cho tới nay, trong thời gian chị về nhà bố mẹ ở anh L có sang tìm gọi chị về để vợ chồng chung sống, nhưng chị thấy tìm cảm vợ chồng không còn nên không quay về chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vũ Minh L.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Vũ Phạm Minh H, sinh ngày 27-6-2011 và Vũ Thu T, sinh ngày 02-3-2017, hiện nay cả hai con đều đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị là giáo viên trường tiểu học Q thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Vũ Minh L là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị T trình bày, anh xác nhận vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chơi bời nợ nần nên chị T đã về nhà bố mẹ ở. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi một con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh L, chị T. Tại biên bản xác minh ngày 11/12/2020, đại diện lãnh đạo xã T, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và trưởng thôn Q, xã T đều xác định: Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 5 năm chị T là giáo viên, anh L là sỹ quan chuyên nghiệp trong quá trình công tác anh L chơi bời dẫn đến nợ nần, không có khả năng thanh toán, gia đình cũng đã tham gia đối với anh L nhưng anh L vẫn tiếp tục chơi nên dân xã hội đến đòi nợ và đe dọa, chị T và hai con đã bỏ về nhà bố mẹ ở. Nay chị T xin ly hôn với anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã T đề nghị lấy ý kiến nguyện vọng của các con, do anh L chưa có công việc ổn định nên giao cả hai con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Con Vũ Phạm Minh H nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị T.

Ông Phạm Xuân Đ và bà Đồng Thị H là bố mẹ của chị T trình bày: Trong quá trình chung sống, do anh L mải mê chơi bời dẫn tới nợ nần, nên tháng 9/2020 chị T đã mang con của hai vợ chồng về chung sống cùng với ông bà. Nguyện vọng của chị T

muốn được nuôi hai con của vợ chồng, quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án nên giao cả hai con cho chị T được tiếp tục nuôi, ông bà có trách nhiệm giúp cho mẹ con chị T có nơi ăn, chốn ở và kinh tế để hai cháu phát triển bình thường. Vì anh L hiện nay công ăn việc làm chưa ổn định, chưa có thu nhập.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30-12-2020, bị đơn là anh Vũ Minh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh L và đề nghị được tiếp tục nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; anh Vũ Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo các điều: 70, 71 BLTTDS; bị đơn chấp hành chưa đúng theo quy định các điều 70, 72 của BLTTDS; Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vắng bị đơn là đúng quy định pháp luật. Việc xét xử tại Tòa đã thực hiện đúng trình tự theo luật định. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T về xin ly hôn anh Vũ Minh L; về con chung: Xử giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con là Vũ Phạm Minh H, sinh ngày 27-6-2011 và Vũ Thu T, sinh ngày 02-3-2017; chấp nhận sự tự nguyện của chị T anh L không phải cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Minh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 01 năm 2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị T, biên bản xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, anh L không có trách nhiệm tới gia đình, không chịu khó làm ăn, chơi bời dẫn tới mắc nợ, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8/2020 đến nay, anh chị đã sống ly thân. Anh L cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị T, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau và anh L cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị T nhưng anh L không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con là Vũ Phạm Minh H, sinh ngày 27-6-2011 và Vũ Thu T, sinh ngày 02-3-2017 hiện nay cả hai con đều đang ở với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi ly thân cho đến nay các con vẫn ở cùng với chị T tại gia đình bố mẹ đẻ chị, bố mẹ chị tạo điều kiện chỗ ở và kinh tế cho ba mẹ con chị, nguyện vọng của con H muốn ở cùng chị. Đại diện chính quyền và các đoàn thể xã T cũng đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung vì anh L công việc không ổn định lại. Hiện chị là giáo viên có thu nhập định và có điều kiện chăm sóc con cái, chị không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng hai con cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Vũ Minh L.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Phạm Minh H, sinh ngày 27-6-2011 và Vũ Thu T, sinh ngày 02-3-2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0009910 ngày 05-10-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú